Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng
Cơ quan: Tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 123 /KH-UBND	*Sóc Trăng, ngày 05 tháng 8 năm 2024*

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

Căn cứ Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 – 2025 *(Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg)*;

Thực hiện Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo *(Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH)*; Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo *(Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH)*;

Căn cứ Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Sóc Trăng;

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Thu thập thông tin về mức sống của các hộ gia đình trong tỉnh, lập danh sách các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ và công bằng.

- Có sự tham gia của nhân dân trong quá trình điều tra, rà soát và bình xét.

- Xác định được hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình để triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và các chương trình, chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG RÀ SOÁT

1. Phạm vi

Rà soát toàn bộ các hộ gia đình có hộ khẩu thường trú hoặc đã đăng ký tạm trú và sinh sống từ 06 tháng trở lên trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Đối tượng rà soát là hộ gia đình.

III. THỜI ĐIỂM - THỜI GIAN RÀ SOÁT

1. Thời điểm điều tra, rà soát

- Thời điểm rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng tính đến ngày **06/9/2024**.

- Thời gian tập huấn: Trong tháng 8/2024.

2. Thời gian điều tra, rà soát và kết thúc

- Thu thập thông tin tại hộ gia đình và tổ chức bình nghị ra dân là **30** ngày, bắt đầu từ ngày **06/9/2024** và kết thúc chậm nhất là ngày **06/10/2024**.

- Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo các xã, phường, thị trấn *(Ban Chỉ đạo cấp xã)*: Báo cáo kết quả điều tra, rà soát sơ bộ về Ban Chỉ đạo cấp huyện trước ngày **27/9/2024** và báo cáo chính thức trước ngày **08/10/2024**.

- Ban Chỉ đạo cấp huyện: Báo cáo kết quả điều tra, rà soát sơ bộ về Ban Chỉ đạo tỉnh trước ngày **04/10/2024** và báo cáo chính thức trước ngày **15/10/2024**.

- Ban Chỉ đạo tỉnh: Báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày **05/11/2024** để báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và quyết định công nhận tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

IV. NỘI DUNG

1. Về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

1.1. Tiêu chí

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ, như sau:

1.1.1. Hộ nghèo:

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

1.1.2. Hộ cận nghèo:

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

1.1.3. Hộ có mức sống trung bình:

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

** Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin.*

** Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.*

1.2. Phương pháp rà soát

1.2.1. Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện như sau:

a) Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm theo Phụ lục III và Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau:

- Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm A): ở khu vực nông thôn, 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng; ở khu vực thành thị, 175 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

b) Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Hộ nghèo: hộ có điểm A $\leq$ 140 điểm và điểm B $\geq$ 30 điểm ở khu vực nông thôn hoặc có điểm A $\leq$ 175 điểm và điểm B $\geq$ 30 điểm ở khu vực thành thị;

- Hộ cận nghèo: hộ có điểm A $\leq$ 140 điểm và điểm B $<$ 30 điểm ở khu vực nông thôn hoặc có điểm A $\leq$ 175 điểm và điểm B $<$ 30 điểm ở khu vực thành thị.

1.2.2. Việc rà soát đối với hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và lập danh sách hộ gia đình cần rà soát quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện như sau:

a) Đối với hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với khóm, ấp, rà soát viên lập danh sách và sử dụng Phiếu A theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH và Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH để nhận dạng nhanh đặc điểm hộ gia đình. Trường hợp có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09 thì đưa vào danh sách hộ gia đình cần rà soát.

b) Danh sách hộ gia đình cần rà soát được lập theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH.

1.2.3. Việc thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện như sau: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với trưởng ban nhân dân ấp/khóm và rà soát viên sử dụng Phiếu B theo Phụ lục III và Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH để thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

1.2.4. Mẫu biên bản kết quả họp dân để thống nhất kết quả rà soát quy định tại điểm c khoản 3 Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg lập theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH.

1.2.5. Mẫu danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (sau khi rà soát) quy định tại điểm c khoản 4 Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg lập theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH.

1.2.6. Mẫu báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hằng năm theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH.

1.3. Quy trình rà soát

Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hằng năm theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg, thực hiện như sau:

1.3.1. Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát

Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với ấp/khóm và rà soát viên lập danh sách hộ gia đình cần rà soát, gồm:

- Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý tại thời điểm rà soát;

- Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

1.3.2. Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình

Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với Trưởng Ban nhân dân ấp/khóm và rà soát viên thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

1.3.3. Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát

- Thành phần cuộc họp: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã, Trưởng Ban nhân dân ấp/khóm (chủ trì họp), Bí thư Chi bộ ấp/khóm, đoàn thể, rà soát viên và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giám sát.

- Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát (chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo mới phát sinh và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo). Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, thực hiện rà soát lại theo quy định tại khoản 2, điểm a và b khoản 3 Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

- Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản, có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (01 bản lưu ở ấp/khóm, 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã).

1.3.4. Niêm yết, thông báo công khai

- Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng ấp/khóm và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; thông báo qua đài truyền thanh cấp xã (nếu có) trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng ấp/khóm và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (sau khi rà soát).

1.3.5. Báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo bằng văn bản, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có ý kiến trả lời bằng văn bản.

1.3.6. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp thu ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn theo Mẫu số 02 và cấp Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

2. Xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình

2.1. Phương pháp

Việc xác định thu nhập của hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện theo Phiếu khảo sát, xác định thu nhập của hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệpcó mức sống trung bình tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH.

2.2. Quy trình

Hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Cư trú làm việc trong các lĩnh vực nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp và diêm nghiệp có giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg, nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức xác định thu nhập của hộ gia đình; niêm yết, thông báo công khai kết quả tại trụ sở xã trong thời gian 05 ngày làm việc, tổ chức phúc tra trong thời gian 03 ngày làm việc (nếu có khiếu nại) và quyết định công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg. Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch, tập huấn nghiệp vụ cho Ban Chỉ đạo và Tổ chuyên viên các cấp và rà soát viên.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành là thành viên Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát công tác rà soát của các địa phương; tổng hợp kết quả rà soát của các huyện, thị xã, thành phố; báo cáo kết quả sơ bộ về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo chính thức kết quả rà soát trên địa bàn tỉnh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện cập nhật kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo vào hệ thống thông tin quản lý.

2. Các sở, ngành là thành viên Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh

Tổ chức phổ biến, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024; phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định thu nhập của hộ làm nông

nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 theo quy định; cử cán bộ phụ trách, rà soát viên tham gia các lớp tập huấn quy trình và bộ công cụ rà soát do Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức; theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện.

- Chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn; có ý kiến về báo cáo kết quả rà soát hằng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; tổng hợp, phê duyệt kết quả rà soát hằng năm trên địa bàn và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

- Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân cấp xã cập nhật thông tin về hộ nghèo, hộ cận nghèo bằng vào hệ thống dữ liệu quản lý làm cơ sở thực hiện các chính sách an sinh xã hội và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo năm 2024.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

+ Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn; phổ biến, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát trên các phương tiện truyền thông; chủ động phát hiện hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm để hướng dẫn hộ gia đình đăng ký rà soát; tổ chức lực lượng rà soát viên thực hiện công tác rà soát trên địa bàn.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo; danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả rà soát công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

+ Cập nhật thông tin về hộ nghèo, hộ cận nghèo vào phần mềm quản lý làm cơ sở thực hiện các chính sách an sinh xã hội và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo năm 2024.

VI. KINH PHÍ RÀ SOÁT

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch được đảm bảo từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Trên đây là Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Đề nghị cơ quan, đơn vị và địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch này. Ttrong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc, vượt thẩm quyền, đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:
- Ban VHXH HĐND tỉnh;
- Thành viên BCĐ rà soát hộ nghèo;
- UBND các huyện, TX, TP;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Khởi